

CHUYÊN MỤC

TRAO ĐỔI

LTS: Trong số 10(218)2016, Tạp chí có đăng bài viết “*Kinh Dịch* và âm thanh” của Trần Vương Thạch (Nhà hát Giao hưởng - Nhạc, Vũ Kịch Thành phố Hồ Chí Minh). Bài viết đã nhận được sự quan tâm của nhiều độc giả. Tạp chí xin giới thiệu một bài trao đổi lại với tác giả Trần Vương Thạch.

TRAO ĐỔI VỀ BÀI VIẾT “*KINH DỊCH* VÀ ÂM THANH” CỦA TÁC GIẢ TRẦN VƯƠNG THẠCH

HUỲNH VĨNH PHÚC*

Mỗi quẻ của Kinh Dịch có sáu hào, vị trí của sáu hào trong quẻ tạo ra logic nội tại của quẻ Dịch. Đọc Dịch là chiêm nghiệm, là lý giải, là khám phá ra cái ý nghĩa của logic đó, tức là từ cái nhìn về tương quan vị trí của các hào để đọc ra các ý nghĩa ẩn hàm ở trong đó. Vì vậy, vị trí của các hào trong quẻ là một vị trí xác định, và nếu thay đổi vị trí của hào thì sẽ làm cho quẻ này biến thành một quẻ khác, và do đó ý nghĩa cũng khác đi.

Tác giả Trần Vương Thạch trong bài viết “Kinh Dịch và âm thanh” đã đề xuất một cách chòng hào mới - khác với cách chòng hào truyền thống - làm đảo lộn vị trí của các hào trong quẻ Dịch. Nhận thấy đề xuất này không có một cơ sở Dịch lý vững chắc nên chúng tôi có đôi lời trao đổi lại với tác giả Trần Vương Thạch và độc giả.

Từ khóa: Kinh Dịch, Kinh Dịch và hệ số nhị phân, quẻ

Nhận bài ngày: 9/3/2017; đưa vào biên tập: 10/3/2017; duyệt đăng: 11/3/2017

Trên Tạp chí Khoa học Xã hội (TPHCM) số tháng 10/2016 đã đăng một bài của tác giả Trần Vương Thạch có tên là *Kinh Dịch và âm thanh*. Bài viết này

ngoài phần “Dẫn nhập” khái quát giới thiệu về *Kinh Dịch*, nội dung chính gồm các mục:

- *Kinh Dịch* và hệ số nhị phân: Trình bày giá trị số học của 8 kinh quẻ biểu diễn qua hệ số nhị phân và thập phân.

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

- Phương pháp chồng hào: đưa ra phương pháp chồng hào mới, “đó là chồng hào từ dưới lên theo thứ tự chồng hào âm trước và tiếp theo là chồng hào dương cho tất cả các quái” (Trần Vương Thạch 2016: 33).

- *Kinh Dịch*, tượng số học: tác giả qui ước các giá trị số học cho thái cực, nghi dương và nghi âm, và đề ra nguyên tắc: “các hào thấp hơn sẽ có giá trị gấp hai lần so với hào cùng tính âm dương đứng trên nó” (Trần Vương Thạch 2016: 35) để tạo ra chuỗi số liên tục. Theo tác giả, nếu áp dụng nguyên tắc trên đây và quy ước thái cực = 0, nghi âm = 1, nghi dương = 2, thì sẽ có chuỗi số “từ 0, 1, 2,... đến vô cực của hệ thống quái Dịch” (Trần Vương Thạch 2016: 35); và nếu áp dụng quy tắc trên đây và quy ước thái cực = 1, nghi âm = 2, nghi dương = 3, thì sẽ có chuỗi số “từ 1 đến vô cực” (Trần Vương Thạch 2016: 36). Sau khi thiết lập hai chuỗi số trên, tác giả nghiên cứu đến mối liên hệ giữa *Kinh Dịch* và âm thanh, và đưa ra “Bảng so sánh các giá trị số học thập phân của hệ thống Dịch với các bậc của hệ thống âm bồi” (Trần Vương Thạch 2016: 39).

Chúng tôi nhận thấy ba nội dung nêu trên và các luận điểm của bài nghiên cứu *Kinh Dịch và âm thanh* là rất mới và rất đáng chú ý, nên trong tinh thần học hỏi và nghiên cứu về *Kinh Dịch* chúng tôi cũng có một vài ý kiến muốn trao đổi với tác giả bài viết và độc giả. Tuy nhiên, vì chúng tôi không có chuyên môn trong lĩnh vực toán học,

âm học và âm nhạc nên những nội dung trong bài viết liên quan đến các lĩnh vực trên chúng tôi xin không đề cập đến, chúng tôi chỉ đề cập đến những nội dung liên quan đến *Kinh Dịch*. Sau đây là những ý kiến trao đổi của chúng tôi:

1. VẤN ĐỀ KINH DỊCH VÀ HỆ SỐ NHỊ PHÂN

Về vấn đề này chúng tôi tham khảo cuốn *易经 - 解析与致用* (Dịch Kinh - Giải tích dữ trí dụng) của tác giả Wang Yi Yong (王以雍), nhà xuất bản 九州 (Cửu Châu), năm 2002, chúng tôi nhận thấy cả hai tác giả Wang Yi Yong và Trần Vương Thạch đều thống nhất với nhau trong việc xác định giá trị số học (theo cả hai hệ nhị phân và thập phân) của nghi âm (☯) = 0 và nghi dương (☰) = 1, nhưng khi xác định giá trị số học cho tứ tượng và kinh quái thì hoàn toàn khác nhau (xem Bảng 1).

Qua so sánh trên, chúng tôi có những nhận xét sau:

- Trần Vương Thạch lấy hào trên làm hào chính và chồng hào theo hướng từ dưới lên (hào xuất hiện trước ở trên, hào xuất hiện sau ở dưới), và do đó ghi số hệ nhị phân theo chiều từ dưới lên trên. Ví dụ: Đoài ☱, số nhị phân là 110, số thập phân là 6. Trong khi đó Wang Yi Yong lấy hào dưới làm hào chính và chồng hào theo hướng từ trên xuống (hào xuất hiện trước ở dưới, hào xuất hiện sau ở trên), và do đó ghi số hệ nhị phân theo chiều từ trên xuống dưới. Ví dụ: Đoài ☱, số nhị phân là 011, số thập phân là 3. Như vậy do phương pháp khác nhau

Bảng 1: Sự khác nhau của Trần Vương Thạch và Wang Yi Yong trong việc biểu thị các biểu tượng *Kinh Dịch* ra số nhị phân và thập phân

Tác giả	Tứ tượng
Trần Vương Thạch	Thái Âm ☷☷, số nhị phân là 00, số thập phân là 0+0=0 Thiếu Dương ☱☱, số nhị phân là 01, số thập phân là 0+1=1 Thiếu Âm ☵☵, số nhị phân là 10, số thập phân là 2+0=2 Thái Dương ☳☳, số nhị phân là 11, số thập phân là 2+1=3 (Trần Vương Thạch 2016: 31).
Wang Yi Yong	Thái Âm ☷☷, số nhị phân là 00, số thập phân là 0 Thiếu Âm ☵☵, số nhị phân là 01, số thập phân là 1 Thiếu Dương ☱☱, số nhị phân là 10, số thập phân là 2 Thái Dương ☳☳, số nhị phân là 11, số thập phân là 3 (Wang Yi Yong 2002: 133).
Tác giả	Kinh quái
Trần Vương Thạch	Khôn ☷☷☷, số nhị phân là 000, số thập phân là 0+0+0=0 Cấn ☶☶☶, số nhị phân là 001, số thập phân là 0+0+1=1 Khảm ☵☵☵, số nhị phân là 010, số thập phân là 0+2+0=2 Tốn ☴☴☴, số nhị phân là 011, số thập phân là 0+2+1=3 Chấn ☳☳☳, số nhị phân là 100, số thập phân là 4+0+0=4 Ly ☲☲☲, số nhị phân là 101, số thập phân là 4+0+1=5 Đoài ☱☱☱, số nhị phân là 110, số thập phân là 4+2+0=6 Càn ☰☰☰, số nhị phân là 111, số thập phân là 4+2+1=7 (Trần Vương Thạch 2016: 31-32).
Wang Yi Yong	Khôn ☷☷☷, số nhị phân là 000, số thập phân là 0 Chấn ☳☳☳, số nhị phân là 001, số thập phân là 1 Khảm ☵☵☵, số nhị phân là 010, số thập phân là 2 Đoài ☱☱☱, số nhị phân là 011, số thập phân là 3 Cấn ☶☶☶, số nhị phân là 100, số thập phân là 4 Ly ☲☲☲, số nhị phân là 101, số thập phân là 5 Tốn ☴☴☴, số nhị phân là 110, số thập phân là 6 Càn ☰☰☰, số nhị phân là 111, số thập phân là 7 (Wang Yi Yong 2002: 136).

Nguồn: Trần Vương Thạch 2016; Wang Yi Yong 2002.

nên cùng một quẻ Đoài ☱☱ nhưng hai tác giả ghi hai trị số khác nhau (6 và 3). Vậy cách làm của tác giả nào là đúng? Về điểm này chúng tôi sẽ trình bày ở phần sau.

- Trong Dịch học, con số không chỉ biểu thị tương quan về lượng mà còn

biểu thị các tương quan cấu trúc, không gian, thời gian, biến đổi, vì vậy các con số trong Dịch học luôn luôn là con số biểu tượng biểu trưng cho một ý nghĩa nào đó. Và như vậy, trong Dịch học khi xác định một con số không chỉ đơn thuần là xác định

tương quan về lượng mà còn phải xác định các tương quan về cấu trúc, về không - thời gian, về biến đổi. Chúng tôi nhận thấy khái niệm “số” hay “số học” trong bài viết của Trần Vương Thạch chỉ biểu thị tương quan về lượng, các tương quan khác không thấy tác giả đề cập đến.

- Các số cơ (chẵn) và số ngẫu (lẻ) trong hệ thống của Trần Vương Thạch không được biểu thị bằng hình tượng mang tính cấu trúc của *Kinh Dịch* (trong Dịch học hào dương biểu thị cho số lẻ, hào âm biểu thị cho số chẵn). Do đó, hệ thống số này có vẻ tùy nghi và không có cấu trúc mang tính quy luật, và vì vậy, không diễn đạt một ý nghĩa biểu tượng nào. Trái lại, trong hệ thống của Wang Yi Yong, các số được biểu thị bằng hình tượng mang tính cấu trúc của *Kinh Dịch*, số lẻ được biểu thị qua hào dương, số chẵn được biểu thị qua hào âm. Do đó, hệ thống số này có cấu trúc chặt chẽ và có tính quy luật, và hệ thống này có ý nghĩa biểu tượng như sau: các hào dương/số lẻ biểu trưng cho sự tăng trưởng, phát triển, các hào âm/số chẵn biểu trưng cho sự suy thoái, giảm sút. Cụ thể là:

Quá trình tăng: 0-->1 --> 3 --> 5 --> 7
 Khôn 坤 ☷☷ (000/0) -> Chấn 震 ☳☳ (001/1) -> Đoài 兑 ☱☱ (011/3) -> Ly 离 ☲☲ (101/5) -> Càn 乾 ☰☰ (111/7).

Nhìn vào cấu trúc hình thể của các quẻ từ Khôn -> Càn chúng ta cũng có thể trực quan thấy rằng hào dương tăng từ 0 -> 3, nên nó mang ý nghĩa biểu trưng cho sự tăng trưởng.

Quá trình giảm: 7 --> 6 --> 4 --> 2 --> 0

Càn 乾 ☰☰ (111/7) -> Tốn 巽 ☴☴ (110/6) -> Cấn 艮 ☶☶ (100/4) -> Khảm 坎 ☵☵ (010/2) -> Khôn 坤 ☷☷ (000/0)

Nhìn vào cấu trúc hình thể của các quẻ từ Càn -> Khôn chúng ta cũng có thể trực quan thấy rằng hào dương giảm từ 3 -> 0 (tức âm tăng từ 0-> 3), nên nó mang ý nghĩa biểu trưng cho sự suy giảm (Wang Yi Yong 2002: 137).

2. VẤN ĐỀ PHƯƠNG PHÁP CHỒNG HÀO







Trần Vương Thạch đã căn cứ vào những tính toán số học của mình để đưa ra phương pháp chồng hào mới: chồng hào từ dưới lên trên (tức lập các quẻ dịch bằng cách viết các hào từ trên xuống dưới). Trần Vương Thạch (2016: 34) viết: “Khi đã nhận chân ra được nguyên tắc rõ ràng và đơn giản của việc chồng hào để dựng quẻ, chúng tôi lại cho rằng nguyên tắc cơ bản này có lẽ đã phải hình thành ngay từ thuở khởi đầu của *Kinh Dịch*, bởi hệ thống quái chính là kết quả cụ thể của nguyên lý âm dương”. Như vậy, theo phương pháp chồng hào mới và theo nhận định trên của Trần Vương Thạch thì các nhà Dịch học từ xưa đến nay đã lập các quẻ Dịch một cách sai lầm, không đúng theo nguyên lý âm dương!?

Nguyên tắc chồng hào từ trên xuống dưới (tức viết từ dưới lên) là nguyên tắc mà tất cả những người học Dịch, nghiên cứu Dịch từ xưa đến nay áp dụng. Yin Chan (殷昆) viết trong tác

phẩm *Dịch Kinh trí tuệ*: “Vị trí sáu hào trong quẻ có quy định rõ, hào dương gọi là cửu, hào âm gọi là lục, viết theo thứ tự từ dưới lên” (2010: 21); Fu Pei Rong (傅佩榮) trong tác phẩm *Dịch Kinh giải độc đã cần trọng nhắc nhở* người học Dịch, việc đầu tiên cần phải làm là tập cho được thói quen lập các quẻ Dịch bằng cách viết từ dưới lên trên, nhưng khi đọc thì phải đọc từ trên xuống dưới (2005: 10). Chúng tôi dẫn lại các câu trên là nhằm nhấn mạnh đến ý nghĩa quan trọng của việc lập quẻ. Đây là bước đầu tiên để chiêm nghiệm và lý giải ý nghĩa của quẻ, nó liên quan đến nhiều khái niệm và quan niệm của Dịch.

Chúng tôi nhận thấy khi đưa ra phát hiện mới về phương pháp chòng hào từ dưới lên, Trần Vương Thạch đã bỏ qua rất nhiều khái niệm và quan niệm của Dịch như: nội quái, ngoại quái, sơ, thượng, trung, chính, ngoại lai, thượng ứng, thừa, biến quái, không gian, thời gian,... Hơn nữa, cách chòng hào từ dưới lên còn làm đảo lộn toàn bộ hệ thống quẻ của Dịch (xem Bảng 2).

Bảng 2. Sự biến đổi quẻ do cách chòng hào từ dưới lên

Chòng hào từ trên xuống (theo truyền thống)		Chòng hào từ dưới lên (theo Trần Vương Thạch)	
Tên quẻ	Hình thể	Hình thể	Tên quẻ
Thái			Bi
Phục			Bác
Hàng			Hàm

Nguồn: Huỳnh Vĩnh Phúc.

Vì sự đảo lộn trên nên các lời chiêm nghiệm của Dịch như soán từ, soán truyện, đại tượng truyện, hào từ và tiểu tượng truyện sẽ không còn thích dụng với hệ thống quẻ được tạo ra từ phương pháp chòng hào mới. Và như vậy, để chiêm nghiệm và lý giải ý nghĩa của các quẻ Dịch, tất nhiên Trần Vương Thạch phải viết lại các lời soán từ, soán truyện, đại tượng truyện..., tức là phải viết một cuốn “Kinh Dịch mới”!?

Trần Vương Thạch khẳng định phương pháp chòng hào mới “có được tính thống nhất về nguyên tắc chòng hào để dựng quẻ và đạt được kết quả thứ tự của các quái chính xác ở cả hai phương diện: thứ nhất là đúng theo nguyên lý số nhị phân và thập phân của Leibnitz, và thứ hai là đúng theo thứ tự chiều vận động chữ S của đồ hình Tiên Thiên từ Lưỡng nghi, đến Tứ tượng và đến Bát quái Tiên Thiên” (Trần Vương Thạch 2016: 33). Chúng tôi cho rằng *Kinh Dịch* đã được viết ra trước khi Leibnitz phát minh ra số nhị phân cả hàng ngàn

năm nên không thể nói rằng *Kinh Dịch* đúng theo Leibnitz mà phải nói ngược lại. Mặt khác, chúng tôi lại nhận thấy rằng giữa *Kinh Dịch* và hệ số nhị phân có sự tương ứng với nhau: trình tự lập quẻ Dịch (chòng hào từ trên xuống) tương ứng với trình tự ghi số nhị phân, nhưng sở dĩ Trần Vương Thạch đề xuất

phương pháp chồng hào từ dưới lên là do nhầm lẫn trong việc chuyển đổi từ số thập phân sang số nhị phân và do không nắm vững ý nghĩa của *Tiên thiên bát quái đồ* và *Phục Hy tiên thiên lục thập tứ quái thứ tự đồ*. Cụ thể:

Về việc chuyển đổi số thập phân sang số nhị phân

Ví dụ các số thập phân 1, 3, 4, 6 được đổi ra số nhị phân theo phương pháp chia 2 liên tục cho đến khi thương số bằng 0 (số dư của các phép chia 2 này tất nhiên là luôn luôn bằng 1 hoặc bằng 0), sau đó lập số nhị phân bằng cách viết các số dư 1 hoặc 0 theo chiều từ dưới lên như sau:

$$\begin{array}{r} 1|2 \\ \hline 1|0 \end{array} \quad \begin{array}{r} 3|2 \\ \hline 1|1|2 \\ \hline 1|0 \end{array} \quad \begin{array}{r} 4|2 \\ \hline 0|2|2 \\ \hline 0|1|2 \\ \hline 1|0 \end{array} \quad \begin{array}{r} 6|2 \\ \hline 0|3|2 \\ \hline 1|1|2 \\ \hline 1|0 \end{array}$$

Vậy số nhị phân của 1 là 001, của 3 là 011, của 4 là 100, của 6 là 110.

Qua phương pháp chuyển đổi trên chúng ta nhận thấy phép chia 2 đầu tiên là phép chia quan trọng nhất vì số dư của phép chia này xác định tính chất chẵn hay lẻ (ngẫu hay cơ) của số thập phân. Số dư đó bằng 0 là số thập phân chẵn, bằng 1 là số thập phân lẻ; các phép chia 2 tiếp theo cho phép xác định trị số của số thập phân, phép chia 2 càng nhiều thì trị số càng lớn.

Trong Bảng 3 chúng ta so sánh cách ghi các số thập phân 1, 3, 4, 6 ra số nhị phân và các quẻ Dịch tương ứng của Wang Yi Yong và Trần Vương Thạch:

Bảng 3. Sự khác nhau trong cách ghi số nhị phân tương ứng với quẻ Dịch

Số thập phân	Wang Yi Yong		Trần Vương Thạch	
	Số nhị phân	Quẻ	Số nhị phân	Quẻ
1	001		001	
3	011		011	
4	100		100	
6	110		110	

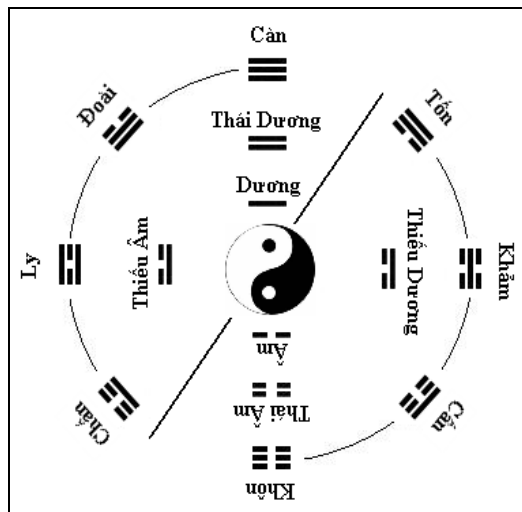
Nguồn: Trần Vương Thạch 2016, Wang Yi Yong 2002.

Qua so sánh trên, chúng tôi nhận thấy tác giả Wang Yi Yong viết số nhị phân theo đúng chiều quy tắc từ dưới lên, tức số dư của phép chia 2 cuối cùng viết trước rồi tiếp theo thứ tự các số dư của phép chia tiếp liền trước đó cho đến số dư của phép chia 2 đầu tiên được viết sau cùng, và khi biểu diễn các số dư 0 và 1 của các phép chia 2 theo ký hiệu âm dương tương ứng: 0 là --, 1 là — để tạo lập quẻ dịch thì viết theo chiều ngược lại từ trên xuống, tức số dư của phép chia 2 đầu tiên được viết trước rồi đến số dư của các phép chia 2 tiếp theo, nếu là 0 thì viết tương ứng là --, nếu là 1 thì viết tương ứng là —. Và cách viết này phù hợp với phương pháp viết quẻ từ dưới lên, tức là chồng hào từ trên xuống. Hào đầu tiên là hào xác định tính chất âm dương hay tính chẵn lẻ của quẻ Dịch tương ứng với số dư của phép chia hai đầu tiên xác định tính chẵn lẻ của số thập phân. Chúng tôi thấy nghĩ cách làm của Wang Yi Yong là hợp lý và chính xác hơn cách làm của Trần Vương Thạch.

Về “*thứ tự chiều vận động chữ S của đồ hình Tiên thiên*” (theo cách nói của Trần Vương Thạch)

Để chứng tỏ cách chồng hào từ dưới lên là đúng với nguyên lý âm dương, Trần Vương Thạch đưa ra đồ hình sau (Hình 1):

Hình 1. Thái cực, Lưỡng nghi, Tứ tượng và Bát quái Tiên thiên



Chú thích: Đọc các quái từ trong ra.

Nguồn: Trần Vương Thạch 2016.

Căn cứ vào đồ hình này Trần Vương Thạch lại khẳng định tính chính xác của cách chồng hào từ dưới lên: “Theo thiên ý của chúng tôi, đây là cách chồng hào rõ ràng và chính xác, xuất phát từ ý nghĩa số học của các hào. Điều quan trọng hơn nữa, chính là ý nghĩa số học của các hào trên quẻ đã cho phép ta xác định chắc chắn về nguyên tắc cấu tạo, thứ tự sắp xếp, chiều vận động và vị trí của các quái trong hai miền âm dương của Tiên thiên” (Trần Vương Thạch 2016: 33). Tuy nhiên chúng tôi có một số nhận xét sau:

- Đồ hình của Trần Vương Thạch vẽ ở trên chính là sự tổng hợp của ba đồ hình riêng biệt: *Thái cực đồ*, *Âm dương phân nghi đồ*, *Tiên thiên bát quái đồ*. Việc tổng hợp ba đồ hình riêng biệt vào trong một đồ hình có ý nghĩa Dịch lý như thế nào thì chúng tôi không rõ, nhưng chúng tôi nhận thấy rằng *Thái cực đồ* là đồ hình không có phương vị và thời gian, tức không có chiều hướng nhất định, trong khi đó *Tiên thiên bát quái đồ* là đồ hình có phương vị (đông, tây, nam, bắc) và thời gian (quá khứ - tương lai), tức có chiều hướng nhất định. Do đó chúng tôi thiết nghĩ lồng hai đồ này vào với nhau thì có vẻ khiên cưỡng nếu như không đưa ra được một lý giải thuyết phục có căn cứ Dịch lý.

- *Tiên thiên bát quái đồ* không chứng tỏ cách chồng hào từ dưới lên (tức viết từ trên xuống) là đúng, nhưng ngược lại cho thấy cách làm này là sai. Cụ thể, chúng ta thấy trong *Tiên thiên bát quái đồ* chiều dương tăng từ khôn đến càn, dương tăng từ dưới tăng lên, và hào dưới cùng luôn là hào dương, chiều âm tăng từ càn đến khôn, âm tăng từ dưới tăng lên, và hào dưới cùng luôn là hào âm. Như vậy, cả âm và dương đều tăng từ dưới lên, chúng tôi chứng tỏ rằng phải chồng hào từ trên xuống (tức viết từ dưới lên), hào dưới cùng luôn là dương hoặc là âm chứng tỏ hào dưới cùng là hào gốc, hào chính xác định bản chất âm dương của các quái, vì vậy hào này phải viết trước tiên. Ngoài ra, hào dương tương ứng với số lẻ, hào âm tương ứng với số

chấn, vì vậy hào dưới cùng là hào xác định tính chất chấn lẻ của các quái. Đối chiếu điều này với cách biểu diễn các quái bằng ký hiệu của hệ số nhị phân và trị số thập phân, chúng tôi thấy cách ghi của Wang Yi Yong là phù hợp, cách ghi của Trần Vương Thạch hoàn toàn không phù hợp.


3. VẤN ĐỀ KINH DỊCH VÀ TƯỢNG SỐ

















Mở đầu cho phần nội dung này, Trần Vương Thạch đã dẫn lời Phan Bội Châu: “Học Dịch tất cần phải biết Dịch số. Toàn bộ Dịch là một bộ sách số học” (Trần Vương Thạch 2016: 34). Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy rằng khái niệm “số học” của Phan Bội Châu và khái niệm “số học” và các diễn đạt như “tính số học”, “ý nghĩa số học nhị phân” của Trần Vương Thạch là không đồng nhất với nhau về ý nghĩa. “Số học” của Phan Bội Châu không

chỉ đơn thuần là “những con số” diễn đạt quan hệ số lượng, mà đó còn là “những ý nghĩa”, tức là mỗi con số có một ý nghĩa biểu trưng diễn đạt các quan hệ cấu trúc, không gian, thời gian, biến đổi, do đó khi đọc các con số chúng ta không thể chỉ hiểu nó ở phương diện toán học mà còn phải hiểu nó ở phương diện triết học, và vì thế, mới có thể từ những con số (tức là từ những ý nghĩa triết học) để “xét cho ra nguyên lý của vũ trụ” (Phan Bội Châu 1996: 21). Trong khi đó, các từ “số học”, “tính số học”, “ý nghĩa số học nhị phân” của Trần Vương Thạch có ý nghĩa sâu xa nào khác thì thú thật chúng tôi không được rõ, chúng tôi chỉ nhận ra được các từ này chỉ có ý nghĩa diễn đạt về quan hệ số lượng, tức ý nghĩa thuần túy ở phương diện toán học.

Vì không quan tâm đến ý nghĩa biểu trưng của các con số nên Trần Vương

Hình 2. Chuỗi số từ 0 đến vô cực

	--	—	==	≡	≡	≡	≡	≡	≡	≡	≡	≡	≡	≡	≡	
0	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
+			2	2	4	4	4	4	4	4	8	8	8	8	8	8
0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		

																
	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2	1	2
+	2	2	4	4	2	2	4	4	2	2	4	4	2	2	4	4
	4	4	4	4	8	8	8	8	4	4	4	4	8	8	8	8
	8	8	8	8	8	8	8	8	16	16	16	16	16	16	16	16
	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30 ...

Nguồn: Trần Vương Thạch 2016: 35.

Thạch lúc thì “qui ước” thái cực = 0, nghi âm = 1, nghi dương = 2, lúc khác thì qui ước thái cực = 1, nghi âm = 2, nghi dương = 3 mà không đưa ra một lời giải thích nào; đồng thời đưa ra nguyên tắc “các hào thấp hơn sẽ có giá trị gấp hai lần so với hào cùng tính âm dương đứng trên nó” (Trần Vương Thạch 2016: 35) để lập ra các chuỗi số từ 0, 1, 2 ... đến vô cực, hoặc chuỗi số từ 1, 2, 3 ... đến vô cực được biểu thị qua các biểu tượng âm dương của *Kinh Dịch*. Ví dụ chuỗi số từ 0 đến vô cực được Trần Vương Thạch lập như sau (xem Hình 2).

Chúng tôi nhận thấy việc qui ước giá trị và nguyên tắc để tính giá trị như trên của Trần Vương Thạch chỉ là một thuật toán và hoàn toàn không có ý nghĩa gì về Dịch lý. Khi đưa ra các con số nào đó mà không nêu lên được hay giải thích được ý nghĩa biểu trưng của chúng, thì các con số đó không phải là số của Dịch lý, mà nó chỉ đơn thuần là các con số của một thuật toán riêng biệt, cụ thể nào đó. Đối với một thuật toán thì cái quan trọng là qui ước hay là nguyên tắc để tiến hành thuật toán, còn việc biểu diễn hay viết thuật toán đó ra bằng hệ thống ký hiệu như thế nào là điều không quan trọng bằng qui ước hay nguyên tắc. Thuật toán trình bày ở trang 35 (chuỗi số từ 0 đến vô cực) và 36 (chuỗi số từ 1 đến vô cực) trong bài viết của Trần Vương Thạch không có ý nghĩa gì về Dịch lý (hay Dịch học), vì thuật toán khi được biểu diễn bằng ký hiệu âm dương thì cũng không

khác gì khi thuật toán đó được biểu diễn bằng các ký hiệu khác như: chữ số Hy Lạp, chữ cái La tinh hay các ký hiệu toán học khác. Do đó, dù dùng ký hiệu âm dương để biểu diễn thì thuật toán của Trần Vương Thạch cũng không thể có được ý nghĩa Dịch học nào nếu như không thể giải thích được ý nghĩa biểu trưng của các con số 0, 1, 2 hay 1, 2, 3 được gán cho thái cực, nghi âm, nghi dương. Chẳng hạn, nhìn vào dãy số từ 0 đến 30 được biểu diễn tương ứng với các biểu tượng âm dương như Hình 2, chúng tôi không tìm ra được bất kỳ một nguyên tắc hay một logic nào để xác định tính chẵn lẻ của các con số theo nguyên tắc Dịch lý: âm biểu thị cho số chẵn, dương biểu thị cho số lẻ. Như vậy, trong chuỗi số trên, giữa các con số và các quẻ Dịch không có một tương quan Dịch lý nào ngoài trừ tương quan thuật toán do Trần Vương Thạch đã thiết lập.

Chúng ta thử so sánh với chuỗi số từ 0 đến 63 tương ứng với 64 quẻ dịch do Wang Yi Yong thiết lập (xem Bảng 4).

(Bảng 4 chúng tôi chỉ liệt kê ví dụ một vài quẻ, chi tiết 64 quẻ xin đọc Wang Yi Yong 2002: 147-149).

Với dãy số trên chúng ta thấy:

- Có sự thống nhất, sự tương ứng giữa số nhị phân, số thập phân và đồ hình quẻ Dịch.
- Số lẻ luôn luôn được xác định bởi hào sơ cửu.
- Số chẵn luôn được xác định bởi hào sơ lục.

Bảng 4. Dãy số nhị phân/thập phân từ 0 đến 63 của 64 quẻ Dịch

Khôn 000000/0 — — — — — — — —	Phục 000001/1 — — — — — — — —	Sư 000010/2 — — — — — — — —	Lâm 000011/3 — — — — — — — —	Khiêm 000100/4 — — — — — — — —	Minh di 000101/5 — — — — — — — —	Thăng 000110/6 — — — — — — — —
.....					
Vô vọng 111001/57 — — — — — — — —	Tụng 111010/58 — — — — — — — —	Lý 111011/59 — — — — — — — —	Độn 111100/60 — — — — — — — —	Đông nhân 111101/61 — — — — — — — —	Cầu 111110/62 — — — — — — — —	Càn 111111/63 — — — — — — — —

Nguồn: Wang Yi Yong 2002.

- Các quẻ số lẻ (hào sơ cửu) thường là quẻ có nghĩa tốt, các quẻ số chẵn (hào sơ lục) thường là quẻ có nghĩa xấu.

- Các cặp quẻ âm dương đối ngẫu: về mặt số luôn có tổng số bằng 63, về mặt nghĩa luôn có ý nghĩa tương phản (xem Bảng 5).

Với những mối tương quan trên, chúng ta thấy rõ giữa số và quẻ Dịch trong hệ thống của Wang Yi Yong có quan hệ Dịch lý, và các số này được sinh ra từ bản thân logic của các quẻ Dịch chứ không phải do Wang Yi Yong quy định như cách làm của Trần Vương Thạch.

Sau khi lập các chuỗi số từ 0 đến vô cực và chuỗi số từ 1 đến vô cực, Trần Vương Thạch đã cho rằng có mối liên hệ giữa *Kinh Dịch* và âm thanh, và đưa ra “Bảng so sánh các giá trị số học thập phân của hệ thống Dịch với các bậc của hệ thống âm bồi” (Trần Vương Thạch 2016: 39). Tuy nhiên, như chúng tôi đã trình bày “các giá trị số học thập phân của hệ thống dịch” của Trần Vương Thạch là kết quả của thuật toán do tác giả lập ra chứ không phải là những con số được sinh ra từ bản thân logic của quẻ Dịch - dãy số do Wang Yi Yong lập

Bảng 5. Tính chất đối ngẫu của các quẻ Dịch

Cặp quẻ đối ngẫu	Khôn 000000/0 — — — — — —	Phục 000001/1 — — — — — —	Sư 000010/2 — — — — — —	Lâm 000011/3 — — — — — —	Khiêm 000100/4 — — — — — —	Minh di 000101/5 — — — — — —
	Càn 111111/63 — — — — — —	Cầu 111110/62 — — — — — —	Đông nhân 111101/61 — — — — — —	Độn 111100/60 — — — — — —	Lý 111011/59 — — — — — —	Tụng 111010/58 — — — — — —
Tổng số	63	63	63	63	63	63

Nguồn: Wang Yi Yong 2002.

mới là dãy số sinh ra từ bản thân logic của quẻ Dịch - nên do đó, kết luận về sự liên hệ giữa Dịch và hệ thống âm

bồi của Trần Vương Thạch - theo nhận định của chúng tôi - là không có cơ sở Dịch lý. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Phan Bội Châu. 1996. *Chu Dịch*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
2. Phó Bội Vinh. 2005, *Dịch Kinh giải độc*. Đài Loan: Nxb. Lập Tự.
3. Trần Vương Thạch. 2016. “*Kinh Dịch và âm thanh*”. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 10 (218).
4. Wang Yi Yong. 2002. *Dịch Kinh giải tích dữ trí dụng*. Bắc Kinh: Nxb. Cửu Châu.
5. Yin Chan. 2010. *Dịch Kinh trí tuệ*. Trung Quốc: Nxb. Thế giới Đương đại